TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107**/2022/HNGĐ–ST
Ngày: 26-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Bá Đức
2. Ông Nguyễn Minh Chánh

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số 248/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên toà số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên toà số 01/2022/TB-TA ngày 19 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1989; Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Anh Võ Văn K, sinh năm 1977; Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Chị và anh Võ Văn K quen biết rồi tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 25/8/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại ấp An Quới, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Thời gian chung sống hạnh phúc khoảng năm năm thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi. Chị và anh K đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay nhưng không có trao đổi để hàn gắn đoàn tụ. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với anh K được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K. Về con chung: Chị và anh K có hai con chung là cháu Võ Minh K1, sinh ngày 19/11/2006 và cháu Võ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/04/2011, hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Võ Nguyễn Minh T, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con, anh K trực tiếp nuôi cháu Võ Minh K1, chị không cấp dưỡng cho con. Về chia tài sản: Chị và anh K có tài sản chung là một căn nhà nhưng chị không yêu cầu Tòa án ghi nhận và giải quyết trong vụ án này. Về nợ chung: Chị và anh K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn K trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa như sau:

Anh đồng ý với lời trình bày của chị B về điều kiện tiến đến hôn nhân, việc đăng ký kết hôn và chung sống. Nay chị B xin ly hôn anh không đồng ý. Anh cho rằng giữa anh và chị B có mâu thuẫn nhưng anh mong muốn được hàn gắn vì còn thương vợ con. Về con chung như chị B trình bày là đúng, anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết gì về con chung. Nếu Toà cho ly hôn và giao cháu T cho chị B trực tiếp nuôi thì anh không cấp dưỡng cho con và giao cháu K cho anh trực tiếp nuôi thì anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng cho con. Về chia tài sản: Chị B và anh không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị B và anh không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc B. Về hôn nhân: Chị B được ly hôn với anh K. Về con chung: Cháu Võ Minh K1, sinh ngày 19/11/2006, giao cho anh K nuôi dưỡng, Cháu Võ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/04/2011, giao cho chị B nuôi dưỡng; Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh K và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị B có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh K có nơi cư trú tại ấp An Quới, xã Định Thuỷ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật của vụ án và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị B, thấy rằng: Chị B và anh K quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Thuỷ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 25/8/2010. Hôn nhân của chị B và anh K tuân thủ đầy đủ, đúng quy định pháp luật nên hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống giữa chị B và anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không chia sẻ, thấu hiểu nhau để giải quyết những mâu thuẫn nhỏ mà để kéo dài dẫn đến mất tình cảm. Chị B và anh K đã sống ly thân một thời gian nhưng không tìm được biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị B luôn kiên quyết giữ quan điểm ly hôn. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị B và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét về con chung: Chị B và anh K có hai con chung là cháu Võ Minh K1, sinh ngày 19/11/2006 và cháu Võ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/04/2011, hiện đang sống chung với chị B. Sau khi ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Võ Nguyễn Minh T, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con, anh K trực tiếp nuôi Võ Minh K, chị không cấp dưỡng cho con. Xét thấy yêu cầu của chị B đưa ra phù hợp với nguyện vọng của con chung và anh K cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về con chung của chị B.

[5] Xét về chia tài sản: Chị B trình bày tài sản chung của vợ chồng có một căn nhà nhưng chị không yêu cầu Toà án ghi nhận và giải quyết trong vụ án này. Anh K trình bày tại phiên toà vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, tại biên bản hoà giải ngày 11/8/2022 anh K có trình bày không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận các đương sự không yêu cầu giải quyết về chia tài sản trong vụ án này.

[6] Xét về nợ chung: Chị B và anh K đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam về việc giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Xét về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với anh Võ Văn K.

Về con chung: Cháu Võ Minh K1, sinh ngày 19/11/2006, giao cho anh K trực tiếp nuôi, ghi nhận anh K không yêu cầu chị B cấp dưỡng cho con; Cháu Võ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/04/2011, giao cho chị B trực tiếp nuôi, ghi nhận B không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Chị B và anh K không yêu cầu Toà án giải quyết nên không giải quyết.

Về nợ chung: Chị B và anh K trình bày không có nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc B có nghĩa vụ chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007892 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Kim Ngân